# Tiết 84-85 . LUYỆN TẬP CHUNG

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Củng cố, rèn luyện kiến thức, kĩ năng về

+ Phép cộng và phép trừ hai phân số.

+ Phép nhân và phép chia hai phân số Vận dụng trong tính giá trị của biểu thức có nhiều phép tính.

+ Tính giá trị của biểu thức chứa chữ.

+ Vận dụng phân số trong một số bài toán thực tiễn.

**2. Năng lực**

* **Năng lực chung:** Năng lực tự học, tự chủ; giao tiếp, hợp tác
* **Năng lực riêng:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học

**3. Phẩm chất**

Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:** giáo án

**2. Đối với học sinh:** vở ghi, sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:*

+ Hướng dẫn và yêu cầu HS đọc và trình bày lại lời giải các Ví dụ 1, Ví dụ - Ví dụ 3: Giải đáp các thử thách nhỏ trong bài học (nếu chưa có thời gian chữa khi dạy bài học).

+ Chữa một số bài toán vận dụng trong các bài học: Bài 25, Bài 26. Chữa một số bài tập, chẳng hạn 6.39, 640 và 6.42

+ Nếu còn thời gian thì GV yêu cầu HS làm hết các bài còn lại hoặc linh hoạt cho thêm bài tập nếu đối tượng là các HS khá, giỏi.

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6.38**: Tính :a. $\frac{-1}{2}$ + $\frac{5}{6}$ + $\frac{1}{3}$b. $\frac{-3}{8}$ + $\frac{7}{4}$ - $\frac{1}{12}$c. $\frac{3}{5}$ : ($\frac{1}{4} . \frac{7}{5}$)d. $\frac{10}{11} $ + $\frac{4}{11}$ : 4 - $\frac{1}{8}$**Câu 6.39**: Tính một cách hợp lí:B = $\frac{5}{13}$ $. \frac{8}{15}$ + $\frac{5}{13} $. $\frac{26}{15} $ - $\frac{5}{13} . \frac{8}{15}$**Câu 6.40:** Tính giá trị của biểu thức sau:B = $\frac{1}{3}$ . b + $\frac{2}{9}$ . b – b : $\frac{4}{9}$ với b = $\frac{9}{10}$**Câu 6.41:** Nam cắt một chiếc bánh nướng hình vuông thành ba phần không bằng nhau (như hình vẽ ). Nam đã ăn hai phần bánh , tổng cộng  $\frac{1}{2}$ chiếc bánh . Đố em biết Nam đã ăn hai phần bánh nào ? | **Câu 6.38:**a. $\frac{-1}{2}$ + $\frac{5}{6}$ + $\frac{1}{3}$ = $\frac{-3}{6}$ + $\frac{5}{6}$ + $\frac{2}{6}$ = $\frac{2}{3}$b. $\frac{-3}{8}$ + $\frac{7}{4}$ - $\frac{1}{12}$ = $\frac{-9}{24}$ + $\frac{42}{24}$ - $\frac{2}{24}$ = $\frac{31}{24}$c. $\frac{3}{5}$ : ($\frac{1}{4} . \frac{7}{5}$) = $\frac{3}{5}$ : $\frac{7}{20}$ = $\frac{3}{5} $. $\frac{21}{7}$ = $\frac{12}{7}$d. $\frac{10}{11} $ + $\frac{4}{11}$ : 4 - $\frac{1}{8}$ = ($\frac{10}{11} $ + $\frac{4}{11} $) - $\frac{1}{8}$ = 1 - $\frac{1}{8} $= $\frac{7}{8}$**Câu 6.39**: B = $\frac{5}{13}$ $. \frac{8}{15}$ + $\frac{5}{13} $. $\frac{26}{15} $ - $\frac{5}{13} . \frac{8}{15}$B = $\frac{5}{13}$ . ($. \frac{8}{15}$ + $\frac{26}{15} $- $\frac{8}{15}$ )B = $\frac{5}{13} $. $\frac{26}{15}$B = $\frac{2}{3}$**Câu 6.40:** Với b bằng $\frac{9}{10}$ ta có:B = $\frac{1}{3}$ . $\frac{9}{10}$ + $\frac{2}{9} $. $\frac{9}{10} $ - $\frac{9}{10} : \frac{4}{9}$B = $\frac{3}{10}$ + $\frac{1}{5}$ - $\frac{2}{5}$B = $\frac{3}{10}$ - $\frac{1}{5}$ = $\frac{3}{10}$ - $\frac{2}{10}$ = $\frac{1}{10}$**Câu 6 .41:**Ta có: $\frac{1}{8}+ \frac{3}{8}= \frac{1}{2}$Nên Nam đã ăn hai phần bánh là  $\frac{1}{8} và \frac{3}{8}$ |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:* Làm bài tập 6.42, 6.43 SGK theo nhóm

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

*-**GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 6.42:**Để làm một chiếc bánh chưng trong dịp Tết cổ truyền ,Vân phải chuẩn bị : Gạo nếp ,đậu xanh không vỏ ,thịt ba chỉ ,lá dong , và các gia vị khác .Khối lượng đậu xanh bằng $\frac{3}{5}$ khối lượng gạo nếp và gấp $\frac{3}{2}$ khối lượng thịt ba chỉ. Nếu có 150 gam đậu xanh thì cần bao nhiêu gam gạo nếp và bao nhiêu gam thịt ba chỉ ?**Câu 6.43:** Hà thường đi xe đạp từ nhà đến trường với vận tốc 12 km/h,hết $\frac{1}{5}$ giờ . Hôm nay xe đạp bị hỏng nên Hà phải đi bộ đến trường với vận tốc 5 km/h .Hỏi hôm nay Hà đi đến trường mất bao lâu ? | **Câu 6.42:**Nếu có 150 gam đậu xanh thì cần số gạo nếp là : 150 : $\frac{3}{5}$ *= 250 gam*Nếu có 150 gam đậu xanh thì cần số thịt ba chỉ là: 150 : $\frac{3}{2}$ = 100 gam**Câu 6.43:**Quãng đường Hà đi đến trường là :12 . $\frac{1}{5}$ = $\frac{12}{5}$ (km)Thời gian Hà đi đến trường hôm nay là:$\frac{12}{5}$ : 5 = $\frac{12}{25}$ (giờ) |

**\* KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |   |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học  | Kiểm tra viết  | Thang đo, bảng kiểm  |   |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |   |

**\* RÚT KINH NGHIỆM GIỜ DẠY**

# ..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................